

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 1: Đa thức nhiều biến (16 tiết)	Các phép tính với đơn thức, đa thức nhiều biến.	3			1	3				1		1	1	3	5	2	37,5% 3,75
		Hằng đẳng thức đáng nhớ.	3						2					3	2		17,5% 1,75	
2	Chủ đề 2: Hình học trực quan (6 tiết)	Hình chóp tam giác đều, tứ giác đều.	2						1				1	2	1	1	20% 2,0	
3	Chủ đề 3. Định lý Pythagore. Tứ giác. (7 tiết)	Định lý Pythagore					1						1	1		1	7,5% 0,75	
		Tứ giác. Hình thang cân, hình bình hành	4			3								7			17,5% 1,75	
Tổng số câu			12			4	4	0	0	3	1	0	1	3	16	8	4	28
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10,0
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100

2. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá										
				TNKQ									Tự luận	
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn				
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu
	Chủ đề 1: Đa thức nhiều biến	Các phép tính với đơn thức, đa thức nhiều biến.	Biết: - Nhận biết được các khái niệm về đơn thức, đa thức nhiều biến. Thông hiểu: - Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến. Vận dụng: - Thực hiện được việc thu gọn đơn thức, đa thức. - Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức và phép chia hết một đơn thức cho một đơn thức. - Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân các đa thức nhiều biến trong những trường hợp đơn giản. - Thực hiện được phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong những trường hợp đơn giản.	C1 C2 C3 TD			C13.a GQ	C13.b C13.c C13.c MHH			C15.a GQ		C16.a GQ	C16.b GQ
Hằng đẳng thức đáng nhớ.		Biết: - Nhận biết được các khái niệm: đồng nhất thức, hằng đẳng thức.	C4, C5, C6 TD						C15.b C15.c GQ					

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			Hiểu: - Mô tả được các hằng đẳng thức: bình phương của tổng và hiệu; hiệu hai bình phương; lập phương của tổng và hiệu; tổng và hiệu hai lập phương.												
	Chủ đề 2. Hình học trực quan	Hình chóp tam giác đều, tứ giác đều.	Nhận biết - Mô tả (đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên) được hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều. Thông hiểu - Tạo lập được hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều. - Tính được diện tích xung quanh, thể tích của một hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều (ví dụ: tính	C7, C8 TD							C15.d MHH				C17 MHH

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều,...). Vận dụng - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều.												
	Chủ đề 3. Định lý Pythagore. Tứ giác	Định lý Pythagore	Thông hiểu: - Giải thích được định lý Pythagore. Vận dụng cao: - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lý Pythagore (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí).					C14.a MHH							C18 MHH
		Tứ giác. Hình thang cân, hình hình hành	Nhận biết: - Mô tả được tứ giác, tứ giác lồi. - Nhận biết được dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân (ví dụ: hình thang có hai đường chéo bằng	C9, C10, C11, C12 TD			C14.b C14.c C14.c TD								

TT	Chương / chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
			nhau là hình thang cân). - Nhận biết được dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành (ví dụ: tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường là hình bình hành). Thông hiểu - Giải thích được tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên, đường chéo của hình thang cân. - Giải thích được tính chất về cạnh đối, góc đối, đường chéo của hình bình hành.												
Tổng số câu				12	0	0	4	4	0	0	3	1	0	1	3
Tổng số điểm				3,0			2,0			2,0			3,0		
Tỉ lệ %				30			20			20			30		

Họ và tên:	Chữ kí giám thị:
Lớp: SBD:	Mã phách:

Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Giám khảo	Mã phách
--------------	---------------	-----------	----------

I. TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm)

Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án bằng cách khoanh vào chữ cái đứng trước câu lựa chọn.

Câu 1. Biểu thức nào sau đây là một đơn thức nhiều biến?

- A. $3x + y$. B. $5x^2y$. C. $\frac{4}{x}$. D. $x - 2y^2$.

Câu 2. Trong các biểu thức sau, biểu thức nào là một đa thức nhiều biến?

- A. $2xy^2 - 5x + 1$. B. $\sqrt{x} + y$. C. $\frac{3x}{y} - 2$. D. $\frac{5}{x^2} + y$.

Câu 3. Trong đơn thức $-7x^3y^2$, phần hệ số là số nào?

- A. -7 . B. 7 . C. x^3y^2 . D. 3 .

Câu 4. Hằng đẳng thức $(a+b)^2$ bằng biểu thức nào sau đây?

- A. $a^2 + b^2$. B. $a^2 + 2ab + b^2$. C. $a^2 - 2ab + b^2$. D. $a^2 - b^2$.

Câu 5. Biểu thức $x^2 - 4$ được viết dưới dạng tích là biểu thức nào?

- A. $(x-4)(x+4)$. B. $(x-2)(x-2)$. C. $(x-2)(x+2)$. D. $(x+2)(x+2)$.

Câu 6. Hằng đẳng thức $(A+B)^3 = A^3 + 3A^2B + 3AB^2 + B^3$ có tên gọi là gì?

- A. Lập phương của một tổng. B. Tổng hai lập phương.
C. Hiệu hai lập phương. D. Bình phương của một tổng.

Câu 7. Hình chóp tứ giác đều có mặt bên là hình gì?

- A. Tam giác thường. B. Tam giác vuông.
C. Tam giác vuông cân. D. Tam giác cân.

Câu 8. Hình chóp tam giác đều có chiều cao là h , diện tích đáy là S . Khi đó, thể tích V của hình chóp đều bằng

- A. $V = 3S.h$. B. $V = S.h$. C. $V = \frac{1}{3}S.h$. D. $V = \frac{1}{2}S.h$.

Câu 9. Theo định nghĩa, tứ giác lồi là một tứ giác.

- A. có hai đường chéo bằng nhau. B. có các góc đối bằng nhau.
C. luôn nằm về một phía của đường thẳng chứa một cạnh bất kì của tứ giác đó.
D. có hai cạnh đối song song.

Câu 10. Một hình thang có thêm điều kiện nào được nêu dưới đây thì trở thành hình thang cân?

- A. Hai đường chéo bằng nhau. B. Hai cạnh bên song song.
C. Một góc vuông. D. Hai cạnh đối bằng nhau.

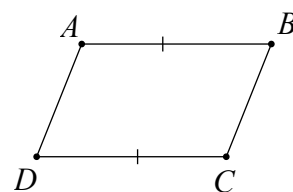
Câu 11. Cho tứ giác $ABCD$ có $AB = CD$ (Hình vẽ dưới), hãy bổ sung một điều

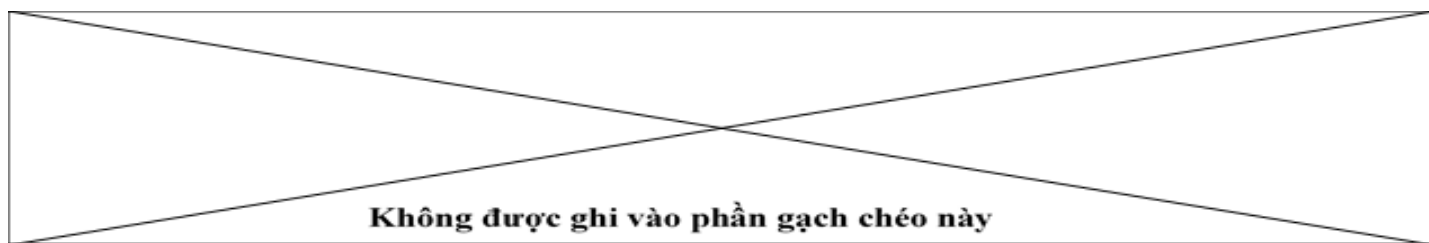
kiện nữa để tứ giác $ABCD$ là hình bình hành

- A. $\hat{A} = \hat{C}$ B. $\hat{B} = \hat{D}$
C. $AB \parallel CD$ D. $AC = BD$

Câu 12. Dấu hiệu nào sau đây cho phép kết luận một tứ giác là hình bình hành?

- A. Tứ giác có hai góc kề một cạnh bằng nhau.
B. Tứ giác có hai đường chéo vuông góc với nhau.
C. Tứ giác có một cặp cạnh đối song song.
D. Tứ giác có các cạnh đối bằng nhau





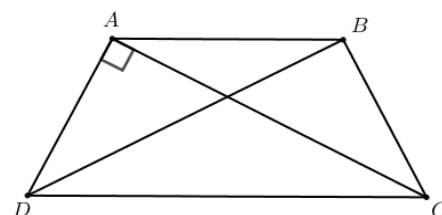
Phần II. Câu trắc nghiệm Đúng - Sai. Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S)

Câu 13. (1,0 điểm) Khu vườn trồng mía của nhà bác Minh ban đầu có dạng hình vuông biết chu vi hình vuông là $20(m)$ sau đó mở rộng bên phải thêm $y(m)$, phía dưới thêm $8x(m)$ nên mảnh vườn trở thành hình chữ nhật. Xét tính đúng sai các mệnh đề sau:

- a) Cạnh của mảnh vườn hình vuông ban đầu là $5(m)$.
- b) Chiều rộng của khu vườn sau khi được mở rộng là $y - 5(m)$.
- c) Chiều rộng của khu vườn sau khi được mở rộng là $8x + 5(m)$.
- d) Chu vi của khu vườn là $2y + 18x + 20(m)$.

Câu 14. (1,0 điểm) Cho hình thang $ABCD$ ($AB \parallel CD$), $AD \perp AC$, $AD = 5cm$; $CD = 13cm$ (hình dưới), xét tính đúng sai các mệnh đề sau:

- a) Độ dài đường chéo $AC = 13cm$
- b) Khi $AD = BC$ thì $ABCD$ là hình thang cân
- c) Khi $AC = BD$ thì $ABCD$ là hình thang cân
- d) Khi $ABCD$ là hình thang cân thì tam giác BCD vuông tại B



Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 15

Câu 15. (2 điểm)

- a) Cho đa thức $A = 3x - 1$; $B = 2y + 4x$. Khi $x = 2y = 1$ thì giá trị của đa thức $C = A + B$ là
- b) Đơn thức thích hợp điền vào chỗ (...) trong đẳng thức $(3x - 2)^2 = 9x^2 - \dots + 4$ là
- c) Viết biểu thức: $25 - 16y^2$ dưới dạng tích là
- d) Cho hình chóp tam giác đều $S.ABC$ có các mặt bên là các tam giác cân diện tích $10cm^2$, diện tích mặt đáy là $20cm^2$. Diện tích toàn phần của hình chóp (đơn vị cm^2) là

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 16. (1,5 điểm)

- a) Tính giá trị của đa thức $A = x^3 - 5x^2y + 2y^2 - 8$ tại $x = -1$ và $y = 2$.
- b) Chứng minh rằng giá trị của biểu thức sau không phụ thuộc vào giá trị của các biến:

$$P = x^4 - (x - y)(x + y)(x^2 + y^2) - y^4$$

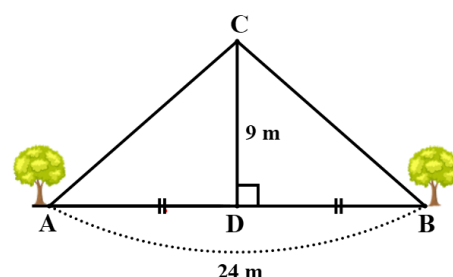
Câu 17. (1 điểm)

Mái che giếng trời của một ngôi nhà có dạng hình chóp tứ giác đều.

- a) Biết mái che có độ dài cạnh đáy là $2,5m$ và độ dài đường cao khoảng $3m$. Tính thể tích hình chóp tứ giác đều được tạo thành từ mái che trên?
- b) Giả sử diện tích mái che là $36,5m^2$. Để trang trí mái che trên người ta dùng các viên gạch hình tam giác đều có diện tích là $50dm^2$. Tính số viên gạch cần dùng để lát kín mái che trên?



Câu 18. (0,5 điểm) Hai cây A và B được trồng dọc trên đường, cách nhau $24m$ và cách đều cột đèn D . Ngôi trường C cách cột đèn D $9m$ theo hướng vuông góc với đường. Tính khoảng cách từ mỗi cây đến ngôi trường.



Không được ghi vào phần gạch chéo này

BÀI LÀM

I. TRẮC NGHIỆM:

Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

[illegible]

Phần II. Câu trắc nghiệm Đúng - Sai.

Câu	13				14			
	a	b	c	d	a	b	c	d
Đáp án								

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn:

Câu 15.	a.	b.	c.	d.
----------------	-----------	-----------	-----------	-----------

II. TỰ LUẬN

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA TOÁN 8

Giữa học kỳ I – Năm học 2025 – 2026

ĐỀ 1

PHẦN I. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	A	B	C	A	D	C	C	A	C	D

PHẦN II. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai.

Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm

Câu	13				14			
	a	b	c	d	a	b	c	d
Đáp án	Đ	S	Đ	S	S	S	Đ	Đ

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn:

Mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm

Câu 15	a. 7	b. $12x$	c. $(5-4y)(5+4y)$	d. 50
--------	------	----------	-------------------	-------

PHẦN IV. Tự luận. (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
16	a) Thay $x = -1$ và $y = 2$ vào đa thức A , ta được: $A = (-1)^3 - 5.(-1)^2.2 + 2.2^2 - 8$ $A = -1 - 5.1.2 + 2.4 - 8$ $A = -1 - 10 + 8 - 8$ $A = -11$ Vậy, giá trị của đa thức A tại $x = -1$ và $y = 2$ là -11 .	0,25
	b) $P = x^4 - (x - y)(x + y)(x^2 + y^2) - y^4$ $= x^4 - (x^2 - y^2)(x^2 + y^2) - y^4$ $= x^4 - (x^4 - y^4) - y^4 = 0.$	0,5
	Vậy giá trị của P luôn bằng 0, không phụ thuộc vào giá trị của các biến.	0,25
		0,25
17	a) Thể tích hình chóp tứ giác đều được tạo thành từ mái che trên là : $V = \frac{1}{3} \cdot (2,5)^2 \cdot 3 = 6,25 \text{ (m}^3\text{)}$	0,5
	b) Đổi $50 \text{ dm}^2 = 0,5 \text{ m}^2$ Số viên gạch hình tam giác đều cần dùng là : $36,5 : 0,5 = 73 \text{ (viên)}$	0,5
18	Vì D cách đều A và B nên D là trung điểm của AB . $DA = DB = \frac{AB}{2} = \frac{24}{2} = 12 \text{ (m)}$ Xét tam giác ADC vuông tại D , áp dụng định lý Pythagore ta có: $AC^2 = AD^2 + DC^2 = 12^2 + 9^2 = 225$. Suy ra $AC = 15 \text{ (m)}$. Xét tam giác ABC có CD là đường trung tuyến và CD vuông góc với AB tại D nên tam giác ABC cân tại C . Suy ra $AB = AC = 15 \text{ (m)}$. Vậy khoảng cách từ mỗi cây đến trường là 15 (m).	0,25
		0,25

Mọi cách giải khác nếu đúng đều cho điểm tối đa của câu đó.

Họ và tên:	Chữ kí giám thị:
Lớp: SBD:	Mã phách:

Điểm bằng số	Điểm bằng chữ	Giám khảo	Mã phách
--------------	---------------	-----------	----------

I. TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm)

Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án bằng cách khoanh vào chữ cái đứng trước câu lựa chọn.

Câu 1. Trong các biểu thức sau, biểu thức nào là đa thức nhiều biến?

- A. $5x^2 - \frac{3}{x}$. B. $x^2 + 2xy - y^2 + 1$. C. $15\sqrt{x}$. D. $\frac{x+y}{x-y}$.

Câu 2. Bậc của đơn thức $-5x^4y^2z$ là:

- A. 4. B. 5. C. 6. D. 7.

Câu 3. Kết quả của phép tính $12x^5y^3 : (3x^2y)$ là:

- A. $4x^3y^2$. B. $9x^3y^2$. C. $4x^7y^4$. D. $36x^7y^4$.

Câu 4. Hằng đẳng thức "Bình phương của một hiệu" là biểu thức nào sau đây?

- A. $(a+b)^2 = a^2 + 2ab + b^2$. B. $a^2 - b^2 = (a-b)(a+b)$.
C. $(a-b)^2 = a^2 - 2ab + b^2$. D. $(a+b)^3 = a^3 + 3a^2b + 3ab^2 + b^3$.

Câu 5. Biểu thức $x^2 - 9$ được viết dưới dạng tích là:

- A. $(x-9)(x+9)$. B. $(x-3)(x-3)$. C. $(x+3)(x+3)$. D. $(x-3)(x+3)$.

Câu 6. Hằng đẳng thức $(A-B)^3 = A^3 - 3A^2B + 3AB^2 - B^3$ có tên gọi là gì?

- A. Lập phương của một hiệu. B. Hiệu hai lập phương.
C. Hiệu hai bình phương. D. Tổng hai lập phương.

Câu 7. Hình chóp tam giác đều có mặt đáy là hình gì?

- A. Tam giác cân. B. Tam giác đều. C. Tam giác vuông. D. Hình vuông.

Câu 8. Công thức tính diện tích xung quanh S_{xq} của hình chóp đều với c chu vi đáy và d là trung đoạn là:

- A. $S_{xq} = \frac{1}{2} \cdot c \cdot d$. B. $S_{xq} = 2c \cdot d$. C. $V = \frac{1}{3} S \cdot h$. D. $S_{xq} = S \cdot h$.

Câu 9. Tổng số đo bốn góc của một tứ giác lồi bằng:

- A. 90° . B. 180° . C. 270° . D. 360° .

Câu 10. Dấu hiệu nào sau đây cho biết một hình thang là hình thang cân?

- A. Có hai cạnh bên bằng nhau. B. Có hai đường chéo bằng nhau.
C. Có hai cạnh đáy bằng nhau. D. Có một góc vuông.

Câu 11. Trong hình bình hành, tính chất nào sau đây là sai?

- A. Các cạnh đối bằng nhau.
B. Các góc đối bằng nhau.
C. Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.
D. Hai đường chéo bằng nhau.

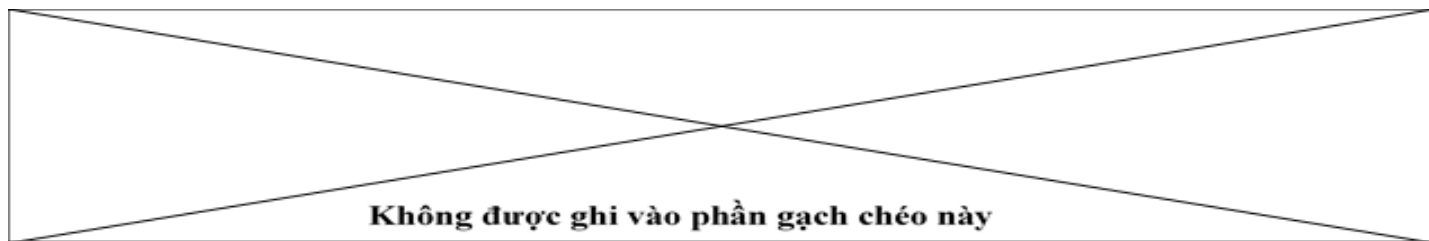
Câu 12. Tứ giác có một cặp cạnh đối vừa song song vừa bằng nhau là hình gì?

- A. Hình thang cân B. Hình bình hành C. Hình thang D. Hình thang vuông.

Phần II. Câu trắc nghiệm Đúng - Sai. Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S)

Câu 13. (1,0 điểm) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài là $(x+5)$ mét và chiều rộng là $(x-3)$ mét (với $x > 3$). Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

- a) Chu vi của mảnh vườn là $(2x+2)(m)$.
b) Diện tích của mảnh vườn là $(x^2+2x-15)(m^2)$.



c) Khi $x = 5$ mét, chiều rộng của mảnh vườn là 7 m.

d) Khi $x = 5$ mét, diện tích mảnh vườn là $20(\text{m}^2)$

Câu 14. (1,0 điểm) Cho hình thang $ABCD$ ($AB \parallel CD$), $BD \perp BC$, $BC = 4\text{cm}$; $CD = 5\text{cm}$ (hình dưới), xét tính đúng sai các mệnh đề sau:

a) Độ dài đường chéo $BD = 2\text{cm}$

b) Nếu $ABCD$ là hình thang cân thì $AD = BC$

c) Khi $AC \perp BD$ thì $ABCD$ là hình thang cân

d) Khi $ABCD$ là hình thang cân thì tam giác ACD vuông tại A

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời câu 15

Câu 15. (2 điểm)

a) Giá trị của đa thức $N = x^3 + x^2y - 2x^2 - xy - y^2 + 3y + x - 1$ biết $x + y - 2 = 0$ là

b) Điền đơn thức thích hợp vào chỗ trống: $(2x - y)^3 = 8x^3 - \dots + 6xy^2 - y^3$.

c) Viết biểu thức $x^3 + 8$ dưới dạng tích là

d) Thể tích của một hình chóp tứ giác đều có diện tích đáy là 30cm^2 và chiều cao là 7 cm là cm^3 .

II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 16. (1,5 điểm)

a) Tính giá trị của đa thức $C = 2x^2y - 3xy^2 + x^3 - 4y + 7$ tại $x = -2$ và $y = 1$.

b) Chứng minh rằng giá trị của biểu thức sau không phụ thuộc vào giá trị của biến x, y : $M = (x + 2y)^2 - (x - 2y)^2 - 8xy$.

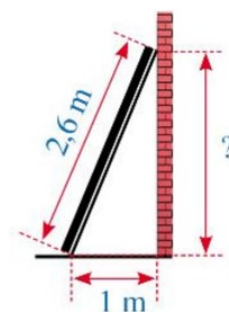
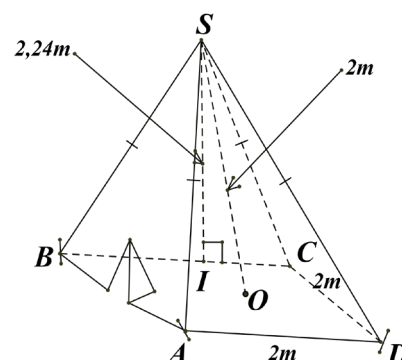
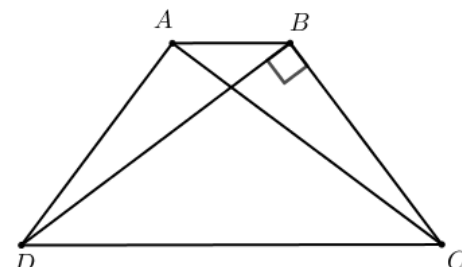
Câu 17. (1 điểm)

Hình bên là một cái lều ở một trại hè của học sinh tham gia cắm trại có dạng hình chóp tứ giác đều theo các kích thước như hình vẽ:

a) Thể tích không khí bên trong lều là bao nhiêu? (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai)

b) Xác định số vải bạt cần thiết để dựng lều (không tính đến đường viền, nếp gấp, ...) là bao nhiêu? Biết độ dài trung đoạn của lều trại là $2,24\text{cm}$. (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai)

Câu 18. (0,5 điểm) Hình dưới đây mô tả một thanh gỗ dài 2,6 m đặt dựa vào một bức tường thẳng đứng. Chân thanh gỗ cách mép tường một khoảng là 1 m. Khoảng cách từ điểm thanh gỗ chạm vào tường đến mặt đất là bao nhiêu mét



BÀI LÀM

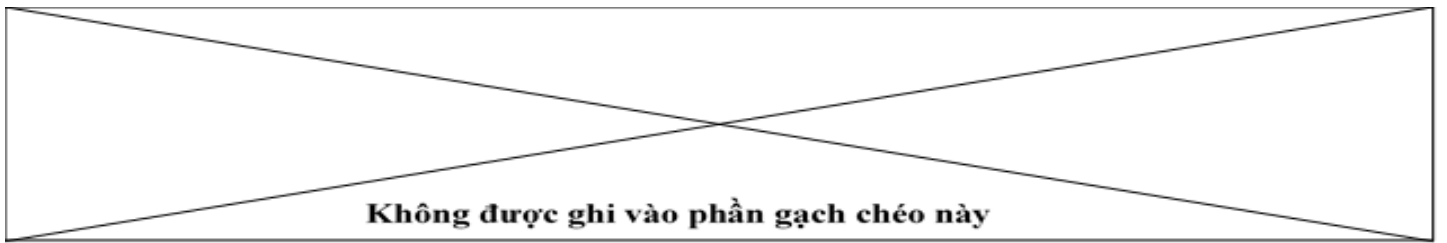
I. TRẮC NGHIỆM:

Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án												

Phần II. Câu trắc nghiệm Đúng - Sai.

Câu	13				14			
	a	b	c	d	a	b	c	d
Đáp án								



Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn:

Câu 15.	a.	b.	c.	d.
----------------	-----------	-----------	-----------	-----------

II. TỰ LUẬN

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA TOÁN 8

Giữa học kỳ I – Năm học 2025 – 2026

ĐỀ 2

PHẦN I. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	A	C	D	A	B	A	A	B	D	B

PHẦN II. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai.

Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm

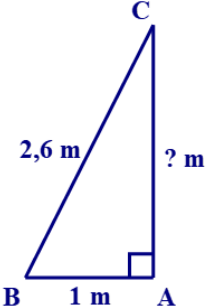
Câu	13				14			
	a	b	c	d	a	b	c	d
Đáp án	S	Đ	Đ	Đ	S	Đ	S	Đ

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn:

Mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm

Câu 15	a. 1	b. $12x^2y$	c. $(x+2)(x^2-2x+4)$	d. 70
--------	------	-------------	----------------------	-------

PHẦN IV. Tự luận. (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
16	a) Thay $x = -2$ và $y = 1$ vào đa thức C , ta được: $C = 2 \cdot (-2)^2 \cdot 1 - 3 \cdot (-2) \cdot 1^2 + (-2)^3 - 4 \cdot 1 + 7$ $C = 2 \cdot 4 \cdot 1 - 3 \cdot (-2) \cdot 1 + (-8) - 4 + 7$ $C = 8 - (-6) - 8 - 4 + 7$ $C = 8 + 6 - 8 - 4 + 7$ $C = 9$	0,25
	Vậy, giá trị của đa thức C tại $x = -2$ và $y = 1$ là 9.	0,25
	b) Ta có: $M = (x+2y)^2 - (x-2y)^2 - 8xy$ $M = (x^2 + 4xy + 4y^2) - (x^2 - 4xy + 4y^2) - 8xy$ $M = x^2 + 4xy + 4y^2 - x^2 + 4xy - 4y^2 - 8xy$ $M = (x^2 - x^2) + (4xy + 4xy - 8xy) + (4y^2 - 4y^2)$ $M = 0 + 0 + 0$ $M = 0$	0,5
	Vì kết quả là một hằng số 0, nên giá trị của biểu thức M không phụ thuộc vào giá trị của biến x và y .	0,25
		0,25
17	a) Thể tích không khí bên trong lều là thể tích hình chóp tứ giác đều: $V = \frac{1}{3} \cdot S \cdot h = \frac{1}{3} \cdot 2^2 \cdot 2 = \frac{8}{3} \approx 2,67(m^3)$	0,5
	b) Số vải bạt cần thiết để dựng lều là diện tích xung quanh hình chóp tứ giác đều. $S_{xq} = \frac{1}{2} \cdot C \cdot d = \frac{1}{2} \cdot (2 \cdot 4) \cdot 2,24 \approx 8,96(m^2)$	0,5
18		

Câu	Nội dung	Điểm
	Áp dụng định lí Pythagore vào tam giác ABC vuông tại A, ta có: $BC^2 = AB^2 + AC^2$ $2,6^2 = 1^2 + AC^2$ $6,76 = 1 + AC^2$ $AC^2 = 6,76 - 1 = 5,76$ Suy ra $AC = \sqrt{5,76} = 2,4(m)$ Vậy khoảng cách từ điểm thanh gỗ chạm vào tường đến mặt đất là $2,4m$.	0,25 0,25

Mọi cách giải khác nếu đúng đều cho điểm tối đa của câu đó.
Tuy phước, ngày 12 tháng 10 năm 2025

Giáo viên biên soạn	Tổ trưởng chuyên môn	Hiệu trưởng
Bùi Đại Nghĩa	Trần Văn Lắm	Đặng Thị Thu Hương